TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 5 - 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận

2. Bà Trần Kim Thoa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 310/2026/QĐST– HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1990. Thường trú tại: Số A, tổ C, khu E, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim D1, sinh năm 1981. Thường trú: Số C, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - ông Nguyễn Tấn D trình bày:

Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Kim D1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 08 tháng 4 năm 2025. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặc

dù vợ chồng nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thể đoàn tụ, hiện nay vợ chồng đã ly thân một thời gian dài không yêu thương chăm sóc đến nhau, ông D nhất quyết xin ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Trích lục kết hôn (Bản sao), căn cước công dân (S),…

Bà Nguyễn Kim D1 đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà D1 không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tấn D khởi kiện bà Nguyễn Kim D1 yêu cầu ly hôn, bà Nguyễn Kim D1 hiện đang cư trú tại: Số C, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Kim D1 theo đúng quy định tại các tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Nguyễn Kim D1 không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Nguyễn Kim D1 trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà D1 tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng ông D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do không hợp về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà D1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập bà D1 tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà D1 vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, ông D xác định không còn tình cảm với bà D1 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông D về việc ly hôn với bà D1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn D đối với bị đơn – bà Nguyễn Kim D1 về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn D được ly hôn với bà Nguyễn Kim D1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013089 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV16 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc